TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1797 /NĐĐT-KHVT V/v đề nghị báo giá cung cấp vật tư, thiết bị Hệ thống cấp than vào lò hơi số 1 (lần 2) .	*Quảng Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2026. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo phụ lục đính kèm *(có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình)*.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá *(kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác)*.

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá *(kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng)*.

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV *(Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh)*.

- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV *(Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com)*.

- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 10/6/2025.

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên

phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
M.S.D.N: 0104297034-008 - C.T.C.P
TP. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG NINH

Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 1797 /NĐĐT-KHVT ngày 30 /5/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại: Ø406x1400 mm; Nhiệt độ: 650 độ F; Áp suất: 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +192/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 45 mm; Phương X -36 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-1)*	Cái	1,00			
2	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +192/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 45 mm; Phương X -12 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-2)*	Cái	1,00			
3	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +192/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 45 mm; Phương X 12 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-3)*	Cái	1,00			
4	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +192/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 45 mm; Phương X 36 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-4)*	Cái	1,00			
5	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +184/-80 mm; Độ giãn nở hướng	Cái	1,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		kính: Phương Y 03 mm; Phương X -37 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-5)*					
6	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +184/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 03 mm; Phương X -19 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd*(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-6)*	Cái	1,00			
7	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +184/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 03 mm; Phương X 19 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-7)*	Cái	1,00			
8	Khớp giãn nở	Khớp giãn nở kim loại; Ø406x1400 mm; Nhiệt độ 650 độ F; Áp suất 03 Psig; Độ giãn nở hướng trục: +184/-80 mm; Độ giãn nở hướng kính: Phương Y 03 mm; Phương X 37 mm; Trọng lượng: 570 Kg; Nhà sản xuất: Guangzhou HouYip Bellows Industries Co., Ltd; Thiết kế: Foster Wheeler Energy Management (Shang Hai) Co., ltd *(đính kèm bản vẽ 418320160-1255Q-0084-MJ-8)*	Cái	1,00			
9	Bu lông, long đen, ecu	Kích thước: M27x80mm; cấp bền 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vệnh + 01 ê cu)	Bộ	256,00			
10	Gioăng thép xoắn	Kích thước: OD520xID406xTHK5; Vật liệu: SUS316L	Cái	16,00			
11	Xích làm sạch	Xích làm sạch Lắp đặt cho máy cấp than hệ MG-80SC (Công suất: 80 t/h) của nhà sản xuất Shenyang Stock Electronic Power Equipment Co., Ltd	m	212,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Hộp giảm tốc	Hộp giảm tốc (bao gồm động cơ) Mã hiệu: JRTSAF77R37D71D4/TH/AJ5-110621002; Động cơ công suất: 0,37kW; Điện áp: 380-420V; Tỷ số truyền: 1390/2,2 Tần số: 50Hz; Tốc độ động cơ:1150 rpm; Tốc độ đầu ra hộp giảm tốc: 2,2 rpm Của hãng JIE Holding Group - Hang zhou JIE Drive Technology Co, LTD	Bộ	2,00			
13	Bánh răng truyền động	Bánh răng truyền động van Ø214x48 mmGóc ăn khớp φ: 20 độSố răng z: 70Mô dun m: 3Vật liệu 40XM(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-09/01)	Cái	12,00			
14	Trục bánh răng truyền động	Trục bánh răng truyền động van Ø48x204 mm Góc ăn khớp φ: 20 độ Số răng z: 14 Mô dun m: 3 Vật liệu 40XM (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-09/02)	Cái	12,00			
15	Lá van cửa trượt	Kích thước: 1140x775x90mm *(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-13/01)*	Cái	8,00			
16	Trục truyền động	Kích thước: 938x40mm *(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-13/02)*	Cái	8,00			
17	Van bướm	Van bướm cơ động có tay gạt (có nấc hiển hiện độ mở van) DN100 - PN16 Lắp ghép kiểu mặt bích (mặt bích 04 lỗ bu lông M16, khoảng cách tâm lỗ bu lông 170 mm) Chiều dài van L: 78 mm Chiều cao van H: 360 mm	Cái	6,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
18	Máng rót than	Kích thước: R203x1670x14 mm; Vật liệu: SUS310S (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-10/01)	Cái	4,00			
19	Vỏ máng rót than	Kích thước: R225x1775x6 mm; Vật liệu: Q235B *(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-10/02)*	Cái	4,00			
20	Que hàn	Que hàn OK 309L (quy cách: Ø3.2x350mm) của hãng ESAB	Kg	110,00			
21	Van dao cơ cấu điều khiển khí nén	Mã hiệu: PZ673Y-150LbP của nhà sản xuất Dalian DV Valve Co.,Ltd *(Bao gồm: Van và cơ cấu điều khiển khí nén)*	Bộ	4,00			
22	Hộp giảm tốc	Hộp giảm tốc *(bao gồm động cơ)*Mã hiệu: WJRTKAF87AM100/D100M1/TH/A/C;Động cơ công suất: 2,2kW;Điện áp: 380-420V;Tỷ số truyền: 174/19Tần số: 50Hz; Tốc độ động cơ:1420 rpm;Tốc độ đầu ra hộp giảm tốc: 8 rpmCủa hãng JIE Holding Group - Hang zhou JIE Drive Technology Co, LTD	Bộ	2,00			
23	Băng tải cao su	Băng tải cao su LPG-24(I): 838x25400mm Độ cứng (Rigidity): 70±5 Cường lực kéo đứt (Tensile strength at break) ≥ 17,6 Mpa Lực kéo đứt (Breaking tenacity) ≥ 400% Độ biến dạng vĩnh viễn (Permanent set of breaking) ≤ 30% Lượng mài mòn (Abrasion decrement) ≤ 0,7 cm3/ 1,61km Cường độ liên kết giữa lớp cao su và bố vải (Abhesive strength) ≥ 3,5 Kn/m (Lắp cho máy cấp than định lượng Stock LPG-24(I) của hãng Shenyang Stock Electric Power Equipment Co., Ltd)	Bộ	2,00			
24	Cao su tấm chịu nhiệt	Cao su tấm chịu nhiệt dày 3mm, nhiệt độ ≥ 250 độ C	Kg	100,00			
25	Thanh ren suốt	Kích thước: M20x800 mm, ren lửng b: 560 mm	Thanh	8,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Vật liệu inox 304 *(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-14/01 đính kèm)*					
26	Rulo chủ động	Quy cách: Ø275x865x1334mm; vật liệu: Trục thép 40XM, thân vỏ thép C20, cao su bọc bề mặt *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-08/02 đính kèm)*	Cái	4,00			
27	Rulo bị động	Kích thước: D253/246x930mm; Vật liệu: Trục thép 16Mn, cánh xoắn thép C45 *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-08/03 đính kèm)*	Cái	4,00			
28	Kính thăm	Kính thăm cửa máy cấp than rắc co có gạt sương Inox 304 Kích thước: Đường kính kính thăm (D = 100mm, đường kính khung bao D1 = 155mm) Chất liệu khung: SUS304 Chất liệu kính: kính cường lực Gioăng làm kín: teflon (PTFE) Nhiệt độ làm việc: max 280°C Áp lực làm việc: 25 bar	Cái	16,00			
29	Cao su tấm chịu nhiệt	Cao su tấm chịu nhiệt dày 10mm, nhiệt độ ≥ 350 độ C	Kg	30,00			
30	Nắp bịt cao su cốt thép	Kích thước: Φ80x12mm	Cái	2,00			
31	Lá van cửa trượt	Lá van cửa trượt, van của trượt đầu vào máy cấp than định lượng 1140x775x90mm (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-13/01)	Cái	4,00			
32	Trục truyền động	Trục truyền động, van của trượt đầu vào máy cấp than định lượng 938x40mm (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-13/02)	Cái	4,00			
33	Thanh ren suốt căng băng	Kích thước: M20x800 mm, ren lửng b: 560 mm Vật liệu inox 304 *(Gia công theo bản vẽ MK-LH-03-14/01 đính kèm)*	Thanh	4,00			
34	Rulo chủ động	Quy cách: Ø275x865x1420mm; vật liệu: Trục thép 40XM, thân vỏ thép C20, cao su bọc bề mặt *(Gia công theo bản vẽ MK-LH-03-08/01 đính kèm)*	Cái	2,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
35	Rulo bị động	Kích thước: D253/246x930mm; vật liệu: Trục thép 16Mn, cánh xoắn thép C45 *(Gia công theo bản vẽ MK-LH-03-08/03 đính kèm)*	Cái	2,00			
36	Kính thăm cửa	Kính thăm cửa máy cấp than rắc co có gạt sương Inox 304 Kích thước: Đường kính kính thăm (D = 100mm, đường kính khung bao D1 = 155mm)Chất liệu khung: SUS304Chất liệu kính: kính cường lựcGioăng làm kín: teflon (PTFE)Nhiệt độ làm việc: max 280°CÁp lực làm việc: 25 bar	Cái	8,00			
37	Hộp giảm tốc	Hộp giảm tốc (bao gồm động cơ) Helical bevel Gearmotor: KAF97AD132S4/TH/B/C/DTW; Động cơ 5,5 kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1445/14 của nhà sản xuất Sew	Bộ	1,00			
38	Băng tải cao su	Băng tải cao su LPG-24(II): 838x54800mm Độ cứng (Rigidity): 70±5 Cường lực kéo đứt (Tensile strength at break) ≥ 17,6 Mpa Lực kéo đứt (Breaking tenacity) ≥ 400% Độ biến dạng vĩnh viễn (Permanent set of breaking) ≤ 30% Lượng mài mòn (Abrasion decrement) ≤ 0,7 cm3/ 1,61km Cường độ liên kết giữa lớp cao su và bố vải (Abhesive strength) ≥ 3,5 Kn/m (Lắp cho máy cấp than định lượng Stock LPG-24(I) của hãng Shenyang Stock Electric Power Equipment Co., Ltd)	Bộ	1,00			
39	Thép U	Kích thước: 120x55x6,3x8,5mm (chiều dài > 5m/cây); - Dung sai theo TCVN 7571-11:2019; - Vật liệu: SUS304.	m	24,00			
40	Thép tấm	Kích thước: 6000x150x10mm; Vật liệu: SUS310S	Kg	317,20			
41	Xích gạt	Mã hiệu: HMDY- 962Công suất: 80 t/hTốc độ: ≤ 0,22 m/sBước xích: 200 mmThanh gạt nghiêng: mã hiệu: KL; vậtliệu: SS400; số lượng: 84 thanhThanh gạt đứng: mã hiệu: L; vật liệu:SS400; số lượng: 166 thanhBộ chốt xích: 250 bộ, vật liệu:SCM440Hãng sản xuất:	m	50,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Dongyang ChainIndustry Co., Ltd					
42	Trục chủ động	Quy cách: Ø150x1262 mm Vật liệu: 40X *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-15/01 đính kèm)*	Cái	2,00			
43	Trục bị động	Quy cách: Ø150x1088 mm Vật liệu: 40X *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-15/02 đính kèm)*	Cái	2,00			
44	Bánh chủ động	Quy cách: Ø488x180 mm; Răng kép, số răng z: 07 Vật liệu: 40X *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-16/01 đính kèm)*	Cái	2,00			
45	Bánh bị động	Quy cách: Ø488x180 mm Vật liệu: 40X *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-16/02 đính kèm)*	Cái	2,00			
46	Bánh răng chủ động	Bộ bánh răng bao gồm: - Bánh răng chủ động: Z1=17, Ø298,68x140 mm; Vật liệu: 40X. *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-04/03 đính kèm)*	Cái	2,00			
47	Bánh răng bị động	Bánh răng bị động xích tải: Z1=29, Ø494,02x140 mm; Vật liệu: 40X. *(Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-04/04 đính kèm)*	Cái	2,00			
48	Que hàn	Mã hiệu: K7018 3.2 của nhà sản xuất Kiswel	Kg	60,00			
49	Con lăn đè xích	Con lăn đè xích Kích thước: Ø190x870mm; Vật liệu: Thép C45 *(chi tiết theo bản vẽ MK-LH-03-06/01 đính kèm)*	Cái	8,00			
50	Thép tấm	Kích thước: 6000x1500x10mm; Vật liệu: SUS304. *(Khối lượng 79.3 kg/m2)*	Kg	1.903,20			
51	Hộp giảm tốc	Hộp giảm tốc (bao gồm động cơ) Helical Gearmotor: Mã hiệu: R137 DRS160M4/DTW; Động cơ 11 kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1460/17	Bộ	1,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
52	Bộ gioăng Pittong	Bộ gioăng Pittong Φ320 x 15 bao gồm 9 chi tiết *(lắp cho pittong Mã hiệu PZ673Y-150LbP)*: - Phớt thủy lực kích thước: 320*305*15mm (2 cái) - Phớt chắn bụi kích thước: 70*80*5.3/7 (2 cái) - Phớt chắn bụi kích thước 60*70*5.3/7 (3 cái) - Gioăng chữ O kích thước: Φ304 x 5,3mm (2 cái) - Gioăng chèn kích thước 10x2x1000mm (2 cái)"	Bộ	2,00			
53	Sơn chống rỉ	Mã hiệu: SP Primer (màu nâu đỏ) của nhà sản xuất Joton	Kg	219,480			
54	Sơn phủ	Sơn Jona PU 2 thành phần PUF70RXA-2015K16 và PUF70RXB-00K04) (Xanh Blue) của nhà sản xuất Joton	Kg	382,320			
55	Loadcell	Mã hiệu: C18305-1; 50KG; sai số 0.5%; Nhà sản xuất: schenckprocess	Cái	12.00			
56	Speed sensor	Mã hiệu: SZMB-9; điện trở 1.7-1.9KΩ; Nhà sản xuất: schenckprocess	Cái	12,00			
57	Bộ cảnh báo mất than	Mã hiệu: EG2490; loại va chạm có bánh răng; Nhà sản xuất: schenckprocess	Bộ	6,00			
58	Bộ cảnh báo tắc than	Mã hiệu: SR2; AC110 momen xoắn 4N; Nhà sản xuất: FineTek	Bộ	6,00			
59	Tủ điều khiển	Tủ điều khiển bao gồm các thiết bị chính:- Vỏ tủ (01 cái) : Thép carbon sơn tĩnh điện, kích thước 1300*800*400; IP65; quạt làm mát độc lập, chiếu sáng, 2 lớp gioăng làm kín;- Bộ điều khiển (01 bộ): Mã hiệu: DISOCONT® Tersus(DT-9)VCU20103 của Nhà sản xuất: schenckprocess với thông số như sau: + Độ chính xác điều khiển: 0.5% + Hỗ trợ các giao thức truyền thông bus: Profibus, Ethernet, Modbus + Bộ xử lý trung tâm: 32-bit ARM (ARM9), bộ xử lý phụ ARM7 + Phần mềm vận hành: Easyserve + Giữ nguyên phương pháp hiệu chuẩn đầu dò ban đầu + Tối thiểu 12 kênh đầu vào số Ít nhất 2 kênh đầu ra tương tự Phần chuyển đổi tín hiệu cân được trang bị bộ	Bộ	6,00			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		chuyển đổi A/D riêng biệt Sai số cân không vượt quá 0.5%- Màn hình LCD (01 cái): Mã hiệu: VHM20100; 6inch của Nhà sản xuất: schenckprocess; + Cấp bảo vệ: IP20 + Cấp nguồn qua cáp mạng + Độ méo dạng sóng: Không méo + Màn hình cảm ứng màu không biến dạng + Hiển thị đồ họa, văn bản, đường cong + Hỗ trợ đa ngôn ngữ.- Biến tần (01 cái): Mã hiệu: ACS510 3-5kw của nhà sản xuất ABB+ Điện áp định mức: 380V+ Tần số định mức: 50Hz+ Đầu vào: 4-20mA+ Đầu ra: 4-20mA- Các thiết bị khác: biến áp nguồn, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ, rơ le trung gian,...					
Tổng							
Thuế GTGT 10%							
Tổng cộng *(đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)*							
Bằng chữ:							